

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH SƠN LA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77/2018/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 27/3/2018 đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 195/BC-DT ngày 30/3/2018 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ tối đa 95% đối với xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II; 90% đối với xã khu vực II (trừ các bản đặc biệt khó khăn); 85% đối với các xã khu vực I theo dự toán được duyệt cho 06 nội dung, công việc sau:

1.1. Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã đạt chuẩn.

1.2. Xây dựng hệ thống Thủy lợi nội đồng (*Công trình thủy lợi nhỏ; kiên cố hóa kênh mương nội đồng*).

1.3. Xây dựng trường học.

1.4. Xây dựng trạm y tế xã đạt chuẩn.

1.5. Xây dựng mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

1.6. Xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*xây dựng công trình của đài truyền thanh xã, trạm truyền thanh bản, tiểu khu*).

2. Hỗ trợ tối đa 90% đối với xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II; 80% đối với xã khu vực II (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*); 70% đối với các xã khu vực I theo dự toán được duyệt cho 03 nội dung, công việc sau:

2.1. Xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

2.2. Xây dựng điểm tập trung xử lý rác thải, lò đốt rác thải của xã.

3. Hỗ trợ tối đa 70% đối với xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II; 60% đối với xã khu vực II (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*); 50% đối với các xã khu vực I theo dự toán được duyệt (*không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng công trình*) cho 03 nội dung, công việc sau:

3.1. Xây dựng công trình cải tạo nghĩa trang (*nghĩa trang nhân dân bản*).

3.2. Xây dựng điểm thu gom rác thải bản, tiểu khu; xây dựng hệ thống thoát nước thải khu dân cư.

3.3. Xây dựng nhà văn hóa - công trình thể thao bản, tiểu khu đạt chuẩn.

4. Hỗ trợ tối đa 50% đối với xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II; 40% đối với xã khu vực II (*trừ các bản đặc biệt khó khăn*); 30% đối với các xã khu vực I theo dự toán được duyệt (*không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng công trình*) cho 03 nội dung, công việc sau:

4.1. Xây dựng hạ tầng (*ngoài hàng rào*) các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung.

4.2. Xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt phân tán theo nhóm hộ (*Đối với các xã khu vực III hỗ trợ thêm nội dung công việc xây dựng giếng khoan phục vụ sản xuất*).

4.3. Xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn: Xanh, sạch, đẹp (*bồn hoa, cây xanh, vỉa hè, chỉnh trang khu trung tâm, điện chiếu sáng đường trục chính, các hạng mục vệ sinh môi trường nông thôn*).

5. Hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước để thực hiện 03 nội dung, công việc xây dựng đường giao thông đến bản, đường nội bản và đường trục chính nội đồng:

5.1. Đối với các xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II được hỗ trợ toàn bộ chi phí khảo sát, lập dự án; xi măng và vật liệu xây dựng

(cát, đá, sỏi, ống cống hoặc thép làm cống). Mức hỗ trợ tối đa 45% chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt.

5.2. Đối với các xã khu vực II (trừ các bản đặc biệt khó khăn) được hỗ trợ toàn bộ chi phí khảo sát, lập dự án; xi măng và hỗ trợ thêm một số loại vật liệu (cát, đá, sỏi, ống cống hoặc thép làm cống). Mức hỗ trợ tối đa 35% chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt.

5.3. Đối với các xã khu vực I được hỗ trợ toàn bộ chi phí khảo sát, lập dự án; xi măng và ống cống. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt.

Ngoài hỗ trợ từ ngân sách trung ương, cấp tỉnh; ngân sách cấp huyện, cấp xã hỗ trợ một phần chi phí hoàn thiện công trình, vật liệu xây dựng, máy thi công, bờ kè ở những điểm xung yếu theo khả năng cân đối của địa phương.

6. Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, khi cần nâng cao chất lượng tiêu chí thì được áp dụng nội dung, công việc và mức hỗ trợ tương ứng quy định tại nghị quyết này.

Điều 2. Nguồn lực thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (*Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn cân đối từ ngân sách địa phương*) được cân đối, bố trí theo kế hoạch giao hàng năm.

2. Huy động nguồn lực từ nhân dân, vận động ủng hộ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân:

2.1. Tự nguyện hiến đất, đổi đất, tài sản trên đất, giải phóng mặt bằng... để xây dựng công trình.

2.2. Đóng góp tiền, vật tư, vật liệu đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật (gạch, đá, cát, sỏi...), máy thi công, công lao động để xây dựng, giám sát công trình.

2.3. Thực hiện việc hoàn thiện khuôn viên công trình vườn hoa, vườn cây thuốc nam ở trạm y tế, cây xanh trong trường học, khu văn hóa, thể thao, cọc tiêu, biển báo trên các trục đường bản...

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 4 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 115/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của HĐND tỉnh khóa XIII.

3. Các nội dung công việc đã được thẩm định, phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 115/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của HĐND tỉnh khóa XIII.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp chuyên đề thứ hai thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch-đầu tư; NN&PTNT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Chi cục lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT *VT*

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất
Hoàng Văn Chất